

Số: 109/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2024

## NGHỊ QUYẾT

### Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Quản lý công nghiệp của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên

#### HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1257/QĐ-KĐCL ngày 05/12/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 647/QĐ-KĐCL ngày 06/8/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp XXIX của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 648/QĐ-KĐCL ngày 06/8/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc thành lập các Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục Phiên XXIX;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Quản lý công nghiệp của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Nghị quyết tại Phiên họp XXIX ngày 29/8/2024 của Hội đồng.

#### QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Quản lý công nghiệp (sau đây gọi là Chương trình đào tạo) của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo theo đúng quy định hiện hành. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Chương trình đào tạo và đã được Nhà trường đồng thuận.

Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo cho thấy số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” là 43 tiêu chí (trong tổng số 50 tiêu chí), chiếm 86%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” (chi tiết trong *Phụ lục I*).

2. Kiến nghị Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên và đơn vị có chương trình đào tạo được đánh giá cần thực hiện 11 nhóm giải pháp để cải tiến chất lượng Chương trình đào tạo (chi tiết trong *Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 23, Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cho Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Quản lý công nghiệp của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên. ✍

TM. HỘI ĐỒNG  
CHỦ TỊCH



Đinh Văn Toàn

Y  
R  
K  
H  
C



**Phụ lục I**  
**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**  
**NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG NGHIỆP**  
**CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP - ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**  
*(Kèm theo Nghị quyết số: 109/NQ-HĐKĐCL ngày 30 tháng 8 năm 2024*  
*của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)*

| Tiêu chuẩn,<br>tiêu chí    | Đánh<br>giá<br>tiêu<br>chí | Tổng hợp<br>theo tiêu chuẩn |                          |                             | Tiêu chuẩn,<br>tiêu chí      | Đánh<br>giá<br>tiêu<br>chí | Tổng hợp<br>theo tiêu chuẩn |                          |                             |
|----------------------------|----------------------------|-----------------------------|--------------------------|-----------------------------|------------------------------|----------------------------|-----------------------------|--------------------------|-----------------------------|
|                            |                            | Mức<br>trung<br>bình        | Số<br>tiêu<br>chí<br>đạt | Tỉ lệ số<br>tiêu chí<br>đạt |                              |                            | Mức<br>trung<br>bình        | Số<br>tiêu<br>chí<br>đạt | Tỉ lệ số<br>tiêu chí<br>đạt |
| <b>Tiêu chuẩn 1</b>        |                            | 4.00                        | 3                        | 100%                        | <b>Tiêu chuẩn 7</b>          |                            | 3.80                        | 4                        | 80%                         |
| Tiêu chí 1.1               | 4                          |                             |                          |                             | Tiêu chí 7.1                 | 4                          |                             |                          |                             |
| Tiêu chí 1.2               | 4                          |                             |                          |                             | Tiêu chí 7.2                 | 4                          |                             |                          |                             |
| Tiêu chí 1.3               | 4                          | Tiêu chí 7.3                | 4                        |                             |                              |                            |                             |                          |                             |
| <b>Tiêu chuẩn 2</b>        |                            | 4.00                        | 3                        | 100%                        | Tiêu chí 7.4                 | 4                          |                             |                          |                             |
| Tiêu chí 2.1               | 4                          |                             |                          |                             | Tiêu chí 7.5                 | 3                          |                             |                          |                             |
| Tiêu chí 2.2               | 4                          |                             |                          |                             | <b>Tiêu chuẩn 8</b>          |                            |                             |                          |                             |
| Tiêu chí 2.3               | 4                          | 3.67                        | 2                        | 66.67%                      | Tiêu chí 8.1                 | 4                          | 4.00                        | 5                        | 100%                        |
| <b>Tiêu chuẩn 3</b>        |                            |                             |                          |                             | Tiêu chí 8.2                 | 4                          |                             |                          |                             |
| Tiêu chí 3.1               | 4                          |                             |                          |                             | Tiêu chí 8.3                 | 4                          |                             |                          |                             |
| Tiêu chí 3.2               | 3                          |                             |                          |                             | Tiêu chí 8.4                 | 4                          |                             |                          |                             |
| Tiêu chí 3.3               | 4                          |                             |                          |                             | Tiêu chí 8.5                 | 4                          |                             |                          |                             |
| <b>Tiêu chuẩn 4</b>        |                            | 4.00                        | 3                        | 100%                        | <b>Tiêu chuẩn 9</b>          |                            | 3.60                        | 3                        | 60%                         |
| Tiêu chí 4.1               | 4                          |                             |                          |                             | Tiêu chí 9.1                 | 4                          |                             |                          |                             |
| Tiêu chí 4.2               | 4                          |                             |                          |                             | Tiêu chí 9.2                 | 3                          |                             |                          |                             |
| Tiêu chí 4.3               | 4                          | Tiêu chí 9.3                | 4                        |                             |                              |                            |                             |                          |                             |
| <b>Tiêu chuẩn 5</b>        |                            | 3.80                        | 4                        | 80%                         | Tiêu chí 9.4                 | 4                          |                             |                          |                             |
| Tiêu chí 5.1               | 4                          |                             |                          |                             | Tiêu chí 9.5                 | 3                          |                             |                          |                             |
| Tiêu chí 5.2               | 4                          |                             |                          |                             | <b>Tiêu chuẩn 10</b>         |                            |                             |                          |                             |
| Tiêu chí 5.3               | 3                          |                             |                          |                             | Tiêu chí 10.1                | 4                          | 3.83                        | 5                        | 83.33%                      |
| Tiêu chí 5.4               | 4                          |                             |                          |                             | Tiêu chí 10.2                | 4                          |                             |                          |                             |
| Tiêu chí 5.5               | 4                          | Tiêu chí 10.3               | 4                        |                             |                              |                            |                             |                          |                             |
| <b>Tiêu chuẩn 6</b>        |                            | 4.00                        | 7                        | 100%                        | Tiêu chí 10.4                | 4                          |                             |                          |                             |
| Tiêu chí 6.1               | 4                          |                             |                          |                             | Tiêu chí 10.5                | 3                          |                             |                          |                             |
| Tiêu chí 6.2               | 4                          |                             |                          |                             | Tiêu chí 10.6                | 4                          |                             |                          |                             |
| Tiêu chí 6.3               | 4                          |                             |                          |                             | <b>Tiêu chuẩn 11</b>         |                            |                             |                          |                             |
| Tiêu chí 6.4               | 4                          |                             |                          |                             | Tiêu chí 11.1                | 4                          | 3.80                        | 4                        | 80%                         |
| Tiêu chí 6.5               | 4                          |                             |                          |                             | Tiêu chí 11.2                | 4                          |                             |                          |                             |
| Tiêu chí 6.6               | 4                          |                             |                          |                             | Tiêu chí 11.3                | 4                          |                             |                          |                             |
| Tiêu chí 6.7               | 4                          | Tiêu chí 11.4               | 4                        |                             |                              |                            |                             |                          |                             |
|                            |                            | Tiêu chí 11.5               | 3                        |                             |                              |                            |                             |                          |                             |
| <b>Đánh giá chung CTĐT</b> |                            | <b>Số tiêu chí đạt</b>      |                          |                             | <b>Tỉ lệ số tiêu chí đạt</b> |                            |                             |                          |                             |
|                            |                            | 43                          |                          |                             | 86%                          |                            |                             |                          |                             |



**Phụ lục II**  
**CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**  
**NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG NGHIỆP**  
**CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP - ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**  
*(Kèm theo Nghị quyết số: 109/NQ-HĐKĐCL ngày 30 tháng 8 năm 2024*  
*của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)*

Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Quản lý công nghiệp (CTĐT) của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên đã được Nhà trường tự đánh giá và được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá chất lượng đối với CTĐT giai đoạn 2019-2023 cho thấy có những điểm mạnh sau đây:

Mục tiêu của CTĐT được định kỳ rà soát, cập nhật, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường, phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học. Chuẩn đầu ra được xác định rõ ràng theo tiếp cận CDIO, bao quát được các yêu cầu chung của CTĐT và được công bố công khai. Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần được rà soát, cập nhật và có đủ các thông tin chính về CTĐT và đề cương học phần. Cấu trúc của chương trình dạy học logic, hợp lý, được định kỳ rà soát, điều chỉnh dựa trên chuẩn đầu ra của CTĐT và ý kiến của các bên liên quan. Các học phần được cập nhật mới nội dung về khởi nghiệp, định hướng nghề nghiệp. Triết lý giáo dục mới được xác định rõ ràng và được chuyển tải vào CTĐT. Các hoạt động dạy và học đa dạng, phù hợp với chuẩn đầu ra của CTĐT; dạy - học theo đề án, kiến tập, thực tập doanh nghiệp được chú trọng. Môi trường học tập, nghiên cứu và hoạt động ngoại khóa đa dạng thúc đẩy rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời cho người học. Quy định về kiểm tra đánh giá được xác định rõ ràng, công khai và phổ biến. Kết quả quy hoạch, phát triển đội ngũ giảng viên, nhân viên đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu; năng lực giảng dạy và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo; kết quả thực hiện công việc được quản trị, đánh giá và ghi nhận. Chính sách, quy định về tuyển sinh rõ ràng, cập nhật và phù hợp; hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ người học được quan tâm. Cơ sở vật chất và thiết bị thực hành chuyên môn được quan tâm đầu tư đáp ứng yêu cầu học tập và nghiên cứu. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thiết lập, thông tin phản hồi được sử dụng để cải tiến CTĐT và chất lượng dịch vụ. Tỷ lệ người học tốt nghiệp có việc làm cao; nhà sử dụng lao động đánh giá cao năng lực của người tốt nghiệp.

Tuy nhiên, CTĐT còn những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng (cụ thể chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường và đơn vị có chương trình đào tạo được đánh giá cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Rà soát mục tiêu của CTĐT thể hiện rõ hơn sự gắn kết với sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; rà soát chuẩn đầu ra để thể hiện rõ hơn yêu cầu chuyên biệt về thái độ, kỹ năng đối với ngành quản lý công nghiệp; tham khảo ý kiến các bên liên quan hiệu quả hơn, đồng thời lựa chọn các trường đại học nước ngoài có uy tín để đối sánh, cải tiến chất lượng.



2. Rà soát bổ sung đầy đủ thông tin trong đề cương học phần theo quy định, đồng thời đảm bảo tính logic, cập nhật về nội dung; thể hiện cụ thể hơn nội dung hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu và đánh giá kết quả học tập trong các đề cương học phần.

3. Định kỳ lấy ý kiến các bên liên quan để điều chỉnh chương trình dạy học; phân tích sâu hơn các nội dung đối sánh trong và ngoài nước để có thêm thông tin hữu ích khi rà soát, điều chỉnh CTĐT; xác định phù hợp và cụ thể hơn mức độ đóng góp của học phần vào chuẩn đầu ra của CTĐT; tăng thời lượng các tín chỉ các học phần tự chọn chuyên ngành, bổ sung cập nhật các học phần về quản lý công nghiệp trong bối cảnh công nghệ số và phát triển bền vững để giúp người học có khả năng thích ứng nhanh với bối cảnh mới.

4. Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, phổ biến về triết lý giáo dục mới để các bên liên quan tiếp cận và hiểu rõ và thực hiện; định kỳ đánh giá hiệu quả và sự phù hợp của các phương pháp giảng dạy đảm bảo gắn kết với chuẩn đầu ra; khai thác sử dụng hiệu quả hệ thống giảng dạy trực tuyến LMS; tăng cường sự tham gia của giảng viên doanh nghiệp vào giảng dạy các học phần; có các giải pháp phù hợp để thúc đẩy các hoạt động ngoại khóa, thu hút người học tham gia nghiên cứu khoa học để rèn luyện các kỹ năng mềm, nâng cao khả năng học tập suốt đời.

5. Đa dạng các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học và thiết kế phương pháp, công cụ đánh giá theo chuẩn đầu ra; thiết kế phương pháp, công cụ đánh giá và kiểm soát chặt chẽ hơn các khâu xây dựng câu hỏi thi/ đề thi, đáp án, chấm thi để đảm bảo độ tin cậy, độ giá trị và công bằng. Sớm triển khai việc khiếu nại, phúc khảo kết quả học tập trên hệ thống trực tuyến, tạo thuận lợi cho người học phúc khảo kết quả học tập.

6. Ban hành chính sách, cơ chế đặc thù để giữ chân và phát triển giảng viên đầu ngành kế cận cho CTĐT; đổi mới quản trị đội ngũ giảng viên theo tiếp cận năng lực; có hướng dẫn cụ thể về nhiệm vụ của giảng viên trong hoạt động phục vụ cộng đồng; hoàn thiện công cụ, phương thức, bộ chỉ số KPIs để đánh giá và ghi nhận hiệu quả đóng góp gắn với đãi ngộ để thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Hoàn thiện đồng bộ chính sách, cơ chế đột phá để xây dựng các nhóm nghiên cứu mạnh; khuyến khích thúc đẩy hợp tác nghiên cứu liên ngành và ứng dụng để chuyển giao phát huy được tiềm năng nghiên cứu khoa học của giảng viên.

7. Quy hoạch đội ngũ nhân viên để rà soát, đánh giá năng lực và luân chuyển theo vị trí việc làm. Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá nhân viên làm cơ sở cho khen thưởng và ghi nhận, đãi ngộ theo công hiến, hiệu quả thực hiện để đảm bảo công bằng và tạo động lực trong thực hiện công việc; đào tạo, bồi dưỡng để cải thiện tính chuyên nghiệp theo vị trí việc làm; lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để giám sát, đánh giá hiệu quả thực hiện công việc.

8. Khảo sát, phân tích nhu cầu nhân lực để dự báo, xác định chỉ tiêu và có phương thức tuyển sinh phù hợp; quan tâm phân tích, đối sánh kết quả học tập của người học tuyển bằng các phương thức/tổ hợp môn học khác nhau để đánh giá mức độ phù hợp, tin cậy của các phương thức tuyển sinh. Đa dạng các phương thức truyền thông và tư vấn tuyển sinh để thu hút người học và tăng chất lượng đầu vào. Tăng cường giám sát và phân tích dữ liệu về sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của người học để có giải pháp nâng cao hiệu quả tư vấn, hỗ trợ, giảm tỷ lệ thôi học, tăng tỉ lệ người học tốt nghiệp đúng hạn. Nâng cấp phần mềm hỗ trợ trong công tác quản lý, giám sát quá trình học tập và quá trình rèn luyện của người học; thành lập bộ phận




chuyên trách hỗ trợ, tư vấn tâm lý học đường; đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu khoa học và hỗ trợ khởi nghiệp.

9. Đầu tư nâng cấp khu nhà làm việc, ký túc xá, xưởng thực hành, phòng học; rà soát, bổ sung kịp thời tài liệu phục vụ dạy học và nghiên cứu; có biện pháp thúc đẩy giảng viên viết giáo trình, tăng tài liệu nội sinh, bài giảng E-learning, học liệu điện tử và mô phỏng hỗ trợ học tập, giảng dạy, nghiên cứu; nâng cấp phần mềm và ứng dụng đồng bộ các giải pháp công nghệ trong quản lý khai thác thư viện; đầu tư trang thiết bị, vật tư đáp ứng nhu cầu thực hành, thí nghiệm; nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin và các phần mềm quản lý dạy học trực tuyến, phần mềm hỗ trợ quản trị các lĩnh vực hoạt động; tăng cường triển khai mô hình 5S để cải thiện môi trường làm việc và học tập; chú trọng đảm bảo an toàn, an ninh trật tự trường học và có biện pháp quản lý rủi ro để ngăn ngừa các sự cố gây mất an toàn.

10. Rà soát cách thức, nội dung khảo sát các bên liên quan để đảm bảo tính hiệu quả phù hợp với đối tượng khảo sát; hướng dẫn, giám sát quá trình cập nhật CTĐT để thể hiện rõ hơn triết lý phát triển theo CDIO; đảm bảo tính tương thích và đồng bộ trong thiết kế và thực hiện CTĐT theo chuẩn đầu ra của CTĐT; khảo sát, đánh giá mức độ đáp ứng của người học tốt nghiệp đối với thị trường lao động để cải tiến CTĐT; sử dụng hiệu quả kênh đối thoại với người học và kết quả phản hồi để nắm bắt nhu cầu, kịp thời cải tiến chất lượng dịch vụ hỗ trợ người học; hướng dẫn triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học vào CTĐT và hoạt động đào tạo nhằm nâng cao chất lượng dạy-học.

11. Quan tâm xác lập, giám sát thời gian tốt nghiệp để cải tiến chất lượng; áp dụng phương thức đào tạo cá thể hóa, dạy học qua mạng một cách phù hợp; đẩy mạnh việc chuẩn bị các bài giảng, giáo trình điện tử và hướng dẫn người học rèn luyện năng lực tự học. Từng bước chuyển đổi mô hình và lộ trình đào tạo một cách toàn diện phù hợp với nhu cầu đào tạo trong kỷ nguyên mới; xem xét đưa môn học khởi nghiệp vào giảng dạy gắn kết với tiếp cận CDIO.

Trên đây là 11 nhóm giải pháp tổng hợp. Nhà trường, đơn vị có CTĐT được đánh giá cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài CTĐT của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng CTĐT chính quy trình độ đại học ngành Quản lý công nghiệp gửi cơ quan quản lý trực tiếp, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội. 

H.A

-----